

**PL 02 - DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA THU - NỘP HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017-2018**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**  
(Kèm theo thông báo số 2854/ĐHKT-KHTC ngày 24/10/2018)

| STT | Mã sinh viên | Họ tên                  | Ngày sinh  | Lớp                          | Học phí    | Miễn/ giảm | Học phí phải nộp | Nộp tại BIDV | Học phí còn nợ |
|-----|--------------|-------------------------|------------|------------------------------|------------|------------|------------------|--------------|----------------|
| 1   | 16050706     | Nghiêm Minh Châu        | 06/20/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 2   | 16050710     | Trần Ngọc Kim Chi       | 02/06/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 3   | 16050726     | Trần Hoàng Văn Hà       | 10/17/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 4   | 16050744     | Lê Xuân Hiền            | 04/30/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 5   | 16050776     | Nguyễn Sơn Long         | 05/28/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 6   | 16050794     | Trịnh Phong             | 09/29/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 7   | 16050801     | Chu Minh Quang          | 10/16/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 8   | 16050815     | Lê Hoa Thiên Thảo       | 11/19/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 9   | 16050819     | Phạm Diễm Thủy Tiên     | 12/25/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 10  | 16050829     | Nguyễn Thị Quỳnh Trang  | 11/10/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 11  | 16050832     | Nguyễn Phan Thu Trang   | 08/30/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 12  | 16050834     | Nguyễn Thị Thùy Trang   | 10/09/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 13  | 16050840     | Hoàng Thị Hồng Uyên     | 08/11/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 14  | 16052356     | Vũ Duy Khánh            | 01/19/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,845,000 | -          | 17,845,000       | -            | 17,845,000     |
| 15  | 16052361     | Nguyễn Thị Hồng Ngọc    | 02/06/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 18,190,000 | -          | 18,190,000       | -            | 18,190,000     |
| 16  | 16052364     | Vũ Thị Hồng Nhung       | 04/04/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 17  | 16052368     | Trịnh Thị Minh Thủy     | 01/10/1997 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 18  | 16052374     | Nguyễn Hoàng Tùng       | 05/26/1998 | QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)   | 20,065,000 | -          | 20,065,000       | -            | 20,065,000     |
| 19  | 16051014     | Nguyễn Phương Anh       | 11/27/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 18,190,000 | -          | 18,190,000       | -            | 18,190,000     |
| 20  | 16051028     | Nguyễn Hữu Dũng         | 04/11/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,845,000 | -          | 17,845,000       | -            | 17,845,000     |
| 21  | 16051033     | Dương Thị Hương Giang   | 07/01/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,845,000 | -          | 17,845,000       | -            | 17,845,000     |
| 22  | 16051056     | Nguyễn Việt Hoàng       | 09/19/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 23  | 16051067     | Khúc Cẩm Linh           | 01/26/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,845,000 | -          | 17,845,000       | 17,500,000   | 345,000        |
| 24  | 16051107     | Trần Quang Phúc         | 04/14/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 25  | 16051145     | Nguyễn Cẩm Tú           | 01/06/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 26  | 16051150     | Đông Quang Vinh         | 07/11/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 27  | 16052335     | Nguyễn Thị Thanh Hương  | 05/14/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 28  | 16052337     | Hoàng Thu Trang         | 11/21/1998 | QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 29  | 17050605     | Lê Thu Hương            | 09/30/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23) | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 30  | 17050572     | Nguyễn Đình Duy         | 08/28/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 31  | 17050598     | Phạm Quang Huy          | 03/29/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 32  | 17050606     | Nguyễn Ngọc Khánh       | 06/29/1998 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 33  | 17050646     | Trần Thị Thanh Thủy     | 11/22/1999 | QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23) | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 34  | 17050667     | Nguyễn Trí Dũng         | 01/21/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 35  | 17050679     | Nguyễn Đức Hùng         | 02/02/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 19,210,000 | -          | 19,210,000       | -            | 19,210,000     |
| 36  | 17050680     | Lê Huy                  | 07/29/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 37  | 17050691     | Nguyễn Sơn Lâm          | 09/25/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 38  | 17050693     | Đặng Phương Linh        | 05/14/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 39  | 17050700     | Phạm Công Minh          | 12/07/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 40  | 17050704     | Nguyễn Văn Khánh Nam    | 03/07/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 41  | 17050718     | Nguyễn Thị Thanh Tâm    | 02/03/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 42  | 17050720     | Nguyễn Thị Thoa         | 09/29/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 43  | 17050721     | Bùi Mai Thương          | 12/17/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 44  | 17050725     | Nguyễn Thị Huyền Trang  | 02/24/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 45  | 17050728     | Nguyễn Đỗ Ngọc Trinh    | 09/11/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 46  | 17050731     | Bùi Sơn Tùng            | 11/30/1999 | QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)   | 20,920,000 | -          | 20,920,000       | -            | 20,920,000     |
| 47  | 17050735     | Đỗ Quỳnh Anh            | 07/04/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 21,445,000 | -          | 21,445,000       | -            | 21,445,000     |
| 48  | 17050739     | Nguyễn Khánh Duy        | 01/24/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 49  | 17050740     | Đỗ Tiến Đạt             | 04/19/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 21,445,000 | -          | 21,445,000       | -            | 21,445,000     |
| 50  | 17050744     | Nguyễn Thanh Hằng       | 10/07/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 51  | 17050746     | Phạm Đức Huy            | 08/08/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 52  | 17050749     | Nguyễn Khánh Linh       | 10/24/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 19,210,000 | -          | 19,210,000       | -            | 19,210,000     |
| 53  | 17050750     | Đỗ Nguyễn Thảo Linh     | 09/12/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 21,445,000 | -          | 21,445,000       | -            | 21,445,000     |
| 54  | 17050752     | Vương Thị Hương Ly      | 12/03/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 55  | 17050755     | Trần Nguyễn Thảo Nguyên | 10/17/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |
| 56  | 17050758     | Lê Vũ Minh Quang        | 11/10/1999 | QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)   | 17,500,000 | -          | 17,500,000       | -            | 17,500,000     |